TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM TÂN** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HS-ST
Ngày: 31/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang Sơn và bà Trần Thị Ngọ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2023/TLST-HS ngày 15/3/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HS ngày 20/3/2023 đối với các bị cáo;

1. Nguyễn N, sinh năm 1994 tại Bình Thuận, Nơi cư trú: Thôn B, xã TH, huyện HT, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Kim H1 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang tại ngoại có mặt tại tòa;

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 tại Bình Thuận, Nơi cư trú: Thôn H, xã TH, huyện HT, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị Kim H; có vợ là Lê Thị Ngọc V1 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang tại ngoại có mặt tại tòa;

Bị hại: Nguyễn Thị Ánh H2, sinh năm 1982 (có mặt)

Trú tại: Thôn 3, xã S, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Đỗ Đức D, sinh năm 1973 (có mặt)

Trú tại: Thôn H, xã TT, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

- Nguyễn Ngọc H3, sinh năm 1987 (có mặt)

Trú tại: Thôn B, xã TH, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 25/5/2022, Nguyễn N hỏi mua đám cây keo tràm của anh Đỗ Đức D, sinh năm 1973 với diện tích 0,6 hecta tọa lạc tại thôn Bàu Giêng, xã TH, huyện HT thì anh D đồng ý bán, N hẹn chiều cùng ngày giao tiền. Tuy nhiên, N không mua mà gọi điện cho chị Nguyễn Thị Ánh H2, sinh năm 1982 giới thiệu cho chị H2 mua đám cây keo tràm này với giá 62.000.000 đồng nhằm hưởng tiền môi giới thì chị H2 đồng ý mua và nói chiều mới có tiền. Chiều ngày 25/5/2022, N gọi điện lại cho chị H2 nhưng chị H2 vẫn chưa có tiền nên N gọi điện cho anh Nguyễn Ngọc H3, sinh năm 1987 giới thiệu cho anh Hà mua đám keo tràm trên thì anh Hà đồng ý mua nên N dẫn anh H3 tới nhà anh Đỗ Đức D để anh H3 giao dịch mua đám cây keo tràm trên của anh D với giá 62.000.000 đồng, sau khi mua bán xong, anh H3 cho N 2.600.000 đồng tiền môi giới.

Chiều ngày 26/5/2022, chị H2 gọi điện cho N bảo N dẫn đi gặp người chủ của đám cây keo tràm trên để thực hiện việc mua bán, tuy nhiên N không nói cho chị H2 biết việc anh H3 đã mua đám keo tràm này mà lại nảy sinh ý định lừa lấy tiền của chị H2. Thực hiện ý đồ trên, khoảng 16 giờ cùng ngày, N gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T và dặn T "lát bà H2 ghé nhà mày, bả có hỏi mày có sang cho tao 06 sào keo tràm không thì mày nói có nha", T trả lời "ừ" mà không biết ý đồ của N. Sau đó, N dẫn chị H2 đến nhà T nhưng T không có ở nhà nên cả hai đi về.

Đến chiều ngày 27/5/2022, chị H2 gọi điện thoại cho N bảo N dẫn người chủ của đám keo tràm trên đến xưởng chế biến keo tràm của chị H2 để thực hiện việc mua bán và giao nhận tiền. Nhằm tạo lòng tin với chị H2, Ngọc đến nhà rủ T đi cùng đến xưởng chế biến keo tràm của chị H2 nhưng không nói rõ ý đồ của mình. Trên đường đi, Ngọc kể lại sự việc đã giới thiệu cho anh Hà mua đám keo tràm nêu trên cho T biết và nhờ T giả làm người chủ của đám keo tràm này đứng ra giao dịch mua bán, nhận tiền từ chị H2 giùm N để Ngọc có tiền chi tiêu và trả nợ cho T đã mượn trước đó thì T đồng ý giúp nên N dặn T "lát bà H2 có hỏi mày có sang lại đám keo cho tao không thì trả lời có nha", T trả lời "ừ". Khoảng 17 giờ cùng ngày, khi đến nơi, Ngọc nói với chị H2 T là chủ của đám keo tràm trên, chị H2 hỏi T thì T trả lời "phải". Vì vậy, chị H2 viết 01 "Giấy mua keo tràm" đối với số cây keo tràm trên (bên mua là Nguyễn Thị Ánh H2, bên bán là Nguyễn Văn T, giá mua bán là 62.000.000 đồng) rồi đưa T ký, ghi họ tên vào mục "Người bán" và giao cho T số tiền 62.000.000 đồng nhưng chị H2 không yêu cầu T và N dẫn đi coi xác thực đám keo tràm này. Sau đó, T và N ra về, trên đường đi, T đưa lại cho Ngọc toàn bộ số tiền trên thì N lấy ra 20.000.000 đồng trả nợ cho T, số tiền còn lại Ngọc chi tiêu cá nhân. Khoảng 01 tháng sau, qua tìm hiểu, chị H2 phát hiện đã bị N và T lừa đảo nên làm đơn tố cáo, yêu cầu xử lý N và T về hành vi trên.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của VKS đã truy tố và thống nhất với các điều khoản mà VKS viện dẫn trong cáo trạng.

Tại phiên tòa, bị hại thống nhất với cáo trạng và trình bày trước khi bị hại biết mình bị lừa thì bị cáo T đã báo cho bị hại toàn bộ nội dung sự việc và các bị cáo đã bồi

thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt nên không yêu cầu gì thêm và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 12/3/2023 của VKSND huyện Hàm Tân đã truy tố các bị cáo Nguyễn N và Nguyễn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKS giữ quyền công tố luận tội và tranh luận đã phân tích hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Nguyễn N và Nguyễn Văn T dùng thủ đoạn gian dối làm cho chị H2 tin tưởng đám cây keo tràm 0,6ha của anh Đỗ Đức Dũng là tài sản của T để chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Ánh H2 số tiền 62.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên của Nguyễn N và Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, do đó VKS giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo.

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại đã có đơn bãi nại, xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Ngọc sau khi phạm tội đã bồi thường cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, qua đó VKS đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Tại phiên tòa, khi trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận tội như cáo trạng đã truy tố và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan công an huyện Hàm Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Với mục đích chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Ánh H2, Sau khi đã môi giới bán số cây keo lá tràm của anh Đỗ Đức D cho anh Nguyễn Ngọc H3 và nhận số tiền 2.600.000đồng thì Nguyễn N đã nói với chị H2 số cây keo lá tràm được trồng trên diện tích đất 0,6ha, ở thôn Bàu Giêng, xã TH, huyện HT là tài sản của Nguyễn Văn T; đồng thời N đã nhờ T đứng ra nhận là tài sản của mình để lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì T đồng ý và khi chị H2 hỏi thì T đã nhận số cây keo lá tràm trên là tài sản của mình nên chị H2 tin và mua với giá 62.000.000đồng. Sau khi thỏa thuận thì T đã ký giấy tờ mua bán với chị H2 và đã nhận đủ tiền. Sau đó T giao lại toàn bộ số tiền đã nhận cho N thì N lấy ra 20.000.000đồng để trả nợ cho T (đã mượn trước đó). Hành vi dung thủ đoạn gian dối nói tài sản của người khác là tài sản của mình cho người khác tin và mua để chiếm đoạt số tiền 62.000.000đồng của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 174 BLHS.

[3] Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân căn cứ vào hành vi gian dối người để chiếm đoạt số tiền 62.000.000đồng để truy tố các bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c, khoản 2 Điều 174 BLHS là đúng người, đúng tội nên HĐXX chấp nhận.

[4] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó không chỉ vi phạm pháp luật mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy HĐXX cần xử lý thật nghiêm để góp phần răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó Nguyễn N là người chủ mưu và là người thực hành tích cực, đồng thời cũng là người chiếm đoạt toàn bộ số tiền 62.000.000đồng của bị hại; còn Nguyễn Văn T là người giúp sức.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại đã có đơn bãi nại, xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; sau khi phạm tội các bị cáo đã bồi thường cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo Ngọc là người chủ mưu và là người chiếm đoạt toàn bộ tài sản của bị hại nên cần phải xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với Nguyễn Văn T với vai trò đồng phạm là giúp sức và chỉ vì muốn lấy lại số tiền mà N đã nợ mình trước đó nên mới giúp sức cho Ngọc để chiếm đoạt tài sản trên, hơn nữa sau khi đã giúp sức cho N thì T cũng đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái nên đã báo cho bị hại biết và T cũng không hưởng lợi từ số tài sản đã chiếm đoạt được. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy vai trò của bị cáo là thứ yếu, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo mà giao cho chính quyền địa phương nơi

bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ để cho bị cáo nhận ra sai lầm của mình và trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[6] Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm về phần sân sự nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí, bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn N; Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào điểm c khoản 2 điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử Phạt: Bị cáo Nguyễn N 02 (hai) năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử Phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (*Bốn mươi tám*) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân, tĩnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH

Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, báo cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

*** Nơi nhận:**
-VKSND tỉnh;
- VKSND, CA huyện Hàm Tân;
- Cơ quan THAHS tỉnh Bình Thuận
- Nhà tạm giữ CA huyện Hàm Tân
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

- Chi cục THADS Hàm Tân;
- UBND địa phương bị cáo cư trú.

Nguyễn Anh Dũng